



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86-25/QĐ ngày 11 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sài Gòn)

Ngành, nghề: **Quản trị khách sạn**
Mã ngành, nghề: **6810201**
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Đối tượng đào tạo: **Người học tốt nghiệp THPT trở lên hoặc tương đương**
Thời gian đào tạo: **2 năm**

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Quản trị khách sạn là ngành học và nghề nghiệp liên quan đến việc quản lý và vận hành các hoạt động của một khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng. Ngành này bao gồm nhiều lĩnh vực như quản lý dịch vụ lưu trú, ẩm thực, sự kiện, nhân sự, và chăm sóc khách hàng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Chương trình đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có chuyên môn công việc, đáp ứng yêu cầu kinh tế xã hội của đất nước; có kỹ năng nghiệp vụ và kiến thức quản trị các bộ phận trong khách sạn; có khả năng học tập nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ cơ bản của nhân viên bộ phận lễ tân, nhân viên bộ phận buồng phòng, nhân viên pha chế quầy bar khách sạn, nhân viên phục vụ bàn, và hiệu được công tác quản lý các bộ phận chính trong khách sạn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Biết các kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và luật pháp liên quan đến kinh doanh khách sạn và quản lý các hoạt động trong lĩnh vực khách sạn.

- Hiểu những kiến thức nền tảng về quản trị khách sạn. Có khả năng áp dụng từ cơ bản đến nâng cao để quản lý, xây dựng chiến lược marketing, chăm sóc khách hàng và tổ chức sự kiện trong khách sạn.

- Thành thạo các nghiệp vụ quan trọng trong ngành khách sạn, bao gồm phục vụ bàn, lễ tân, buồng/phòng và pha chế.

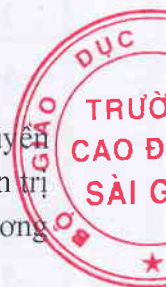
- Có kiến thức về các khái niệm và cách sử dụng hệ điều hành máy tính. Sử dụng được bộ phần mềm tin học văn phòng, đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Nhân viên lễ tân
- Nhân viên chăm sóc khách hàng trong khách sạn
- Nhân viên nhận đặt phòng
- Nhân viên pha chế trong quầy bar khách sạn



- Nhân viên dọn phòng
- Nhân viên phục vụ bàn
- Giám sát bộ phận phòng buồng
- Giám sát bộ phận lễ tân

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 229 giờ, 81 tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: 24
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ, 19 tín chỉ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1860 giờ, 62 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 622 giờ; thực hành, thực tập: 1673 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-01	Hiểu biết về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng và an ninh theo quy định.
2	NLCB-02	Sử dụng được ngoại ngữ bậc 2/6, tin học văn phòng trong học tập và công việc.
3	NLCB-03	Hình thành thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc
4	NLCB-04	Hình thành ý thức học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
5	NLCL-01	Trình bày được lý luận cơ bản về dịch vụ khách hàng, về tâm lý khách du lịch, về hành vi, nhu cầu, động cơ, thị hiếu, tâm trạng và những nét đặc trưng trong tâm lý khách du lịch
6	NLCL-02	Trình bày được một số kiến thức cơ bản và các chiến lược chủ yếu của marketing trong kinh doanh cơ sở lưu trú, trình bày được các yêu cầu và quy trình tổ chức sự kiện trong nhà hàng
7	NLCL-03	Giải thích được các quy định vệ sinh an toàn thực phẩm, mô tả được quy trình chế biến thức uống cơ bản, quy trình sử dụng công cụ dụng cụ trong quầy bar và nhà hàng.
8	NLCL-04	Nắm được tổng quan về bộ phận phòng, bộ phận lễ tân, bộ phận nhà hàng, về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các nhân viên, trong khách sạn
9	NLCL-05	Mô tả được quy trình quản lý và điều hành khách sạn, bao gồm quản lý cơ sở vật chất có trong khách sạn, yêu cầu phân loại phân hạng khách sạn, quản trị nguồn nhân lực khách sạn, và quản lý chất lượng dịch vụ khách sạn
III	Năng lực nâng cao	
10	NLNC-01	Thực hiện được nghiệp vụ phục vụ bàn trong nhà hàng
11	NLNC-02	Chế biến và phục vụ được các thức uống có cồn, không cồn, các loại cà phê pha máy trong quầy bar
12	NLNC-03	Thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản của nhân viên lễ tân và nhân viên buồng phòng
13	NKNC-04	Phân tích được hệ thống báo cáo doanh thu, báo cáo công suất phòng, báo cáo lưu trú
14	NLNC-05	Phân biệt được hoạt động dịch vụ trong ngành du lịch- nhà hàng-khách sạn, và tổ chức được một số sự kiện trong khách sạn

6. Nội dung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng giờ	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Ghi chú/ Môn tiên quyết
I. Các môn học chung								
1	POLI1322	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5	
2	PCLW1201	Pháp luật	2	30	18	10	2	
3	NDED1211	Giáo dục quốc phòng	3	75	36	35	4	
4	PHED1021	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	
5	CAPP1121	Tin học	3	75	15	58	2	
6	ENFD1224	Tiếng Anh	4	120	42	72	6	
Tổng Môn học chung			19	435	157	255	23	
II. Các môn học chuyên môn								
II.1. Môn học cơ sở								
7	ENFD1225	Tiếng Anh tiên trung cấp	4	90	45	42	3	
8	HMFD1211	Nhập môn ngành Quản trị Khách Sạn	3	75	30	42	3	
9	PSCM2112	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3	75	30	42	3	
10	EVMG1212	Tổ chức sự kiện	3	75	30	42	3	
11	MKTA2212	Marketing dịch vụ	3	75	30	42	3	
12	HMPJ1022	Đồ án cơ sở	2	90	0	90	0	
Tổng Môn cơ sở			18	480	165	300	15	
II.2. Môn học chuyên môn								
13	ENFD1226	Tiếng Anh trung cấp	4	90	45	42	3	
14	HMIT2311	Tin học ứng dụng chuyên ngành	4	90	45	42	3	
15	BRTA1212	Nghệ vụ Barista	3	75	30	42	3	
16	TBAR1213	Nghệ vụ bàn	3	75	30	42	3	
17	FOOP1212	Nghệ vụ lễ tân	3	75	30	42	3	
18	HKOP2212	Nghệ vụ buồng /phòng	3	75	30	42	3	
19	HMPJ2023	Đồ án chuyên ngành	2	90	0	90	0	
Tổng Môn chuyên môn			22	570	210	342	18	
II.3 Môn học nâng cao								
20	HMEN2221	Tiếng Anh Khách sạn	4	120	30	87	3	
21	HOMG2212	Quản trị khách sạn	3	75	30	42	3	
22	CSMG2212	Quản trị dịch vụ khách hàng	3	75	30	42	3	
23	HMIT2041	Thực tập chuyên ngành	4	180	0	180	0	
24	HMCO2082	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	360	0	
Tổng Môn nâng cao			22	810	90	711	9	
Tổng Chương trình			81	2295	622	1608	65	

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1 Các môn học chung

Chương trình môn học chung Pháp luật, Chính trị, Giáo dục thể chất, Tin học, Tiếng Anh do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, được sử dụng để giảng dạy.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được tổ chức thực hiện, liên kết với Trường Quân sự Quân khu 7.

7.2 Các hoạt động ngoại khóa

Một năm học có 3 học kỳ. Thời gian học của mỗi học kỳ là 15 tuần bao gồm thời gian kiểm tra và thi. Giữa mỗi học kỳ có 2-3 tuần nghỉ. Thời gian nghỉ Tết là 5 tuần.

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa, vào thời điểm thích hợp.

7.3 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học

Căn cứ quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Sài Gòn, thời gian tổ chức kiểm tra kết thúc môn học theo hướng dẫn cụ thể theo từng môn học và theo kế hoạch đào tạo của trường cụ thể cho từng học kỳ và từng năm học.

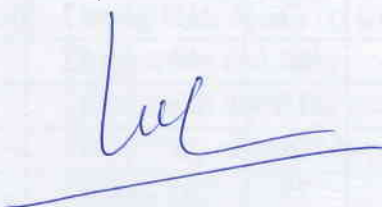
Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá môn học được xác định cụ thể và có hướng dẫn trong đề cương môn học.

7.4 Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề; tích lũy đủ số tín chỉ quy định và có điểm trung bình tích lũy từ 2.0/4.0 trở lên được công nhận tốt nghiệp.

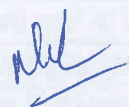
Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG



Tôn Thất Tín

PHÓ TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Nghị